

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2021/DS-PT

Ngày: 13-5-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản và đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh.

*Các Thẩm phán:* Bà Trương Thị Bích Thủy

Ông Sỹ Danh Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trãi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Bà Phạm Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 14/4, 06/5 và 13/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 516/2020/TLPT- DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2020/DS-ST ngày 15/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2021/QĐ-PT, ngày 28 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Hồng D, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Phan Văn T, khóm Mỹ H, phường 3, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị D là anh Vũ Tuấn A là luật sư, Công ty Luật Hợp danh Sao M, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí

Minh; địa chỉ: Số 25/8, Hoàng Việt, Phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:*

2.1. Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1962;

2.2. Bà Hồ Thị Kim H, sinh năm 1963

2.3. Chị Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1994;

2.4. Anh Dương Văn N, sinh năm 1988;

2.5. Anh Dương Phước H, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã Phương T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là bà Võ Thị N, sinh năm 1957; Địa chỉ: đường Thiên Hộ D, Phường 4, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2021, ngày 08/3/2021).

3. *Người kháng cáo:* Ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị Kim H, Dương chị Thị Ngọc H, anh Dương Văn N và anh Dương Phước H là bị đơn trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Dương Thị Hồng D trình bày:*

Ông Dương Văn Đông là chú ruột của chị D, bà Hồ Thị Kim H (vợ ông Đ) và Dương Thị Ngọc H, Dương Văn N và Dương Phước H (là các con ông Đ). Từ năm 2015 đến năm 2019 gia đình ông Đ có vay tiền của chị H nhiều lần cụ thể:

+ Vào tháng 11/2015, gia đình ông Đ cần vốn làm ăn nên ông Đ có nhờ chị D vay tiền dùm, chị đã vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đưa cho ông Đ vay số tiền 500.000.000 đồng, ông Đ và bà H có viết biên nhận ngày 24/11/2015. Ông Đ hứa sẽ đóng tiền lãi cho Ngân hàng và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi vay tiền thì ông Đ không trả tiền đúng hạn như đã thỏa thuận, nên chị D phải đóng tiền lãi cho Ngân hàng thay ông Đ, tổng cộng là 61.411.139 đồng.

+ Ngày 07/5/2016 vay số tiền 130.000.000 đồng. Ngày 10/5/2016 vay số tiền 150.000.000 đồng, cả hai số tiền trên đều do chị H (con ông Đ) viết biên nhận, mục đích vay để chị H sử dụng trong việc kết hôn và xuất cảnh ra nước ngoài.

+ Ngày 24/11/2017, ông Đ tiếp tục nhờ chị vay dùm ông Đ nhiều lần với số tiền là 630.000.000 đồng, mỗi lần vay tiền ông Đ và bà H đều có làm biên nhận và ghi vào sổ nợ của chị.

Ngoài ra, vào ngày 25/11/2019 ông Đ có nhờ chị D làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của ông Đ, ông Đ hứa khi hoàn tất ông Đ đồng ý giao cho chị D hai giấy đất và căn nhà để trừ tiền mà ông Đ nợ chị D. Để thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất, chị D đã chi số tiền là 55.000.000 đồng và chi phí dịch vụ cho người làm giấy tờ là 14.000.000 đồng và đã làm xong thủ tục cho ông Đ. Như vậy, ông Đ còn nợ của chị D số tiền chuyển mục đích sử dụng đất là 69.000.000 đồng.

Ngày 24/12/2018 (âm lịch), chị Dương Thị Ngọc H vay của chị D 210.800.000 đồng để sử dụng trong việc kết hôn và xuất cảnh đi nước ngoài.

Đến ngày 11/12/2019, ông Đ đến nhà chị D để bàn việc thanh toán các khoản nợ nêu trên, chị D có đem biên nhận và sổ nợ ra để đối chiếu, hai bên bàn bạc chưa thống nhất được thì cãi nhau nên chị D đi vào trong nhà, khi chị D đi ra thì không thấy giấy biên nhận và sổ nợ ở đâu, còn ông Đ đã đi về, chị D có điện thoại cho ông Đ hỏi giấy biên nhận và sổ nợ thì ông Đ không nói gì và còn thách thức chị D thưa. Chị D có nhờ người quen điện thoại cho ông Đ để nói chuyện và ghi âm lại nội dung cuộc nói chuyện, trong đoạn ghi âm ông Đ thừa nhận có nợ tiền của chị D. Trong ngày 11/12/2019 chị D báo cho công an phường 3, thành phố Cao Lãnh và Công an thành phố Cao Lãnh giải quyết. Tại đây, ông Đ, bà H và chị H cũng thừa nhận còn nợ của chị D số tiền trên.

Nay chị D yêu cầu ông Đ, bà H, chị H, anh N và anh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị D tiền vốn là 1.479.000.000 đồng; lãi của số tiền 630.000.000 đồng với lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 24/3/2016 đến ngày 16/9/2020 là 53 tháng là 554.274.000 đồng; lãi của số tiền 280.000.000 đồng với lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 31/8/2020 đến ngày 16/9/2020 là 16 ngày với số tiền 1.239.000 đồng, tổng cộng là 2.034.512.000 đồng (trong đó số tiền vốn vay và tiền lãi là 1.965.512.000 đồng; đòi lại tài sản số tiền 69.000.000 đồng) và yêu cầu phía bị đơn tiếp tục trả lãi cho số tiền vay cho đến khi trả xong nợ.

Chị D xin thay đổi yêu cầu đối với số tiền lãi của số tiền 500.000.000 đồng vay Ngân hàng, chị không yêu cầu ông Đ, bà H, chị H, anh N và anh H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi 61.411.139 đồng với lý do hiện nay phía ông Đ chưa trả số tiền vốn nên chị D chưa trả tiền cho Ngân hàng, chị D chưa có tổng số tiền đã đóng cho Ngân hàng thay cho phía ông Đ nên chị D chưa yêu cầu

trong vụ án này và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 210.800.000 đồng. Hai khoản này, chị D nếu có yêu cầu sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác. Ngoài ra, chị không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

***Bị đơn Dương Văn Đ trình bày:***

Năm 2015 ông Đ có nhờ chị D thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình chị D để vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và đưa cho ông vay số tiền 500.000.000 đồng, ông đồng ý trả số tiền 500.000.000 đồng cho chị D.

- Đối với số tiền 280.000.000 đồng và lãi suất 1.239.000 đồng (trong đó ngày 10/5/2016 vay số tiền 150.000.000 đồng và ngày 15/7/2016 vay số tiền 130.000.000 đồng); ông Đ không vay hai khoản tiền này nên không đồng ý trả vốn và lãi cho chị D. Tại phiên hòa giải ông thừa nhận có nợ số tiền này là do ông nhớ nhầm (ông trình bày sai).

- Đối với số tiền vay 630.000.000 đồng, ông thừa nhận có vay chị D nên ông đồng ý trả cho chị D 630.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi của số tiền 630.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, ông vay một lần vào ngày 24/3/2016 (ngày 16/02/2016 âm lịch), ông đóng lãi mỗi tháng số tiền là 18.900.000 đồng, đóng liên tục từ tháng 02/2016 âm lịch đến khoảng tháng 12/2017 âm lịch, tổng cộng ông đã đóng được bao nhiêu thì ông không nhớ. Việc ông đóng lãi không có biên nhận, không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và cũng không có ai chứng kiến. Ông không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi ông đã đóng (không có yêu cầu điều chỉnh lãi đối với số tiền đã đóng); ông không đồng ý trả số tiền lãi 554.274.000 đồng. Trường hợp Tòa án buộc ông trả lãi thì ông đồng ý với lãi suất của chị D đưa ra (1,66%/tháng).

- Đối với tiền đòi lại tài sản 69.000.000 đồng: Ông thừa nhận có nhờ chị D làm thủ tục và đóng tiền thuế 55.000.000 đồng (tiền đóng thuế từ đất lâu năm lên đất thổ) nên ông đồng ý trả cho chị D số tiền này. Riêng khoản tiền chi phí dịch vụ với số tiền 14.000.000 đồng, ông không đồng ý trả vì khoản chi phí này không hợp lý.

- Đối với số tiền lãi của số tiền vay Ngân hàng 500.000.000 đồng và số tiền 210.000.000 đồng chị H (con ông) vay của chị D. Chị D thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông trả số tiền lãi của số tiền vay 500.000.000 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 210.800.000 đồng, thì ông không có ý kiến gì.

Nay ông đồng ý trả cho chị D số tiền vốn vay là 1.130.000.000 đồng; đồng ý trả số tiền đòi lại tài sản 55.000.000 đồng; tổng cộng là 1.185.000.000 đồng. Ông xác định số tiền 1.185.000.000 đồng là số tiền nợ chung của gia đình ông (gồm ông Đ, bà H, chị H, anh N và anh H). Ông đồng ý cùng với bà H, chị H, anh N và anh H liên đới cùng trả cho chị D số tiền này. Ngoài ra, ông không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

**Bị đơn bà Hồ Thị Kim H trình bày:** Bà là vợ của ông Đ, bà thống nhất với nội dung trình bày của ông Đ. Bà xác định số tiền 1.185.000.000 đồng là số tiền nợ chung của gia đình bà (gồm bà, ông Đ, chị H, anh N và anh H). Bà đồng ý cùng với ông Đ, chị H, anh N và anh H liên đới cùng trả cho chị D số tiền này. Ngoài ra, bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

**Bị đơn Dương Thị Ngọc H, Dương Văn N và Dương Phước H:** Đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải, chỉ có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Bản án sơ thẩm số 81/2020/DS-ST ngày 15/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao L, Đồng Tháp tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Hồng D.
- Buộc ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị Kim H, chị Dương Thị Ngọc H, anh Dương Văn N và anh Dương Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Dương Thị Hồng D số tiền 2.034.512.000 đồng (Hai tỷ không trăm ba mươi bốn triệu năm trăm mười hai ngàn đồng).
- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Hồng D về việc yêu cầu ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị Kim H, chị Dương Thị Ngọc H, anh Dương Văn N và anh Dương Văn H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 210.800.000 đồng (Hai trăm mười triệu tám trăm ngàn đồng).
- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.
- Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Đ, bà H, chị H, anh N và anh H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị D số tiền 2.034.512.000 đồng nên ông Đ, bà H, chị H, anh N và anh H phải liên đới chịu 72.690.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Dương Thị Hồng D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chị D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 45.100.000 đồng theo biên lai số 0004045 ngày 31/8/2020 và biên lai số 0004116 ngày 17/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị đơn Dương Văn Đ và Hồ Thị Kim H, Dương Thị Ngọc H, Dương Văn N, Dương Phước H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 81/2020/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm

**Bà Võ Thị N đại diện theo ủy quyền của các bị đơn trình bày:** Ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị Kim H thừa nhận có vay của chị D 02 khoản 500.000.000 đồng, 630.000.000 đồng và 55.000.000 đồng tiền chi phí chuyển mục đích sử dụng đất và đồng ý trả cho chị D các khoản tiền này. Ngoài ra ông Đ và bà H không đồng ý liên đới trả các khoản 280.000.000 đồng tiền vay, 14.000.000 đồng tiền chi phí làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, yêu cầu điều chỉnh lãi suất của số tiền 630.000.000 đồng là 0,83%/tháng và thời gian tính lãi từ khi chị D khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm. Bởi vì, số tiền 280.000.000 đồng vợ chồng ông Đ không vay của chị D, nếu chị D cho rằng chị H con ông Đ vay thì khởi kiện chị H bằng vụ kiện khác. Đối với anh Dương Văn N, chị Dương Thị Ngọc H và anh Dương Phước H không đồng ý liên đới cùng ông Đ, bà H trả tiền cho chị D do các anh chị không vay tiền của chị D và yêu cầu xem xét lại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với 02 thửa đất. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

**Chị Dương Thị Hồng D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị D trình bày:** Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn thừa nhận:

- Đối với ông Đ và bà H thừa nhận nợ chị D các khoản tiền vay là 500.000.000 đồng, 630.000.000 đồng và 55.000.000 đồng tiền chuyển mục đích sử dụng đất nên chị D thống nhất sự thừa nhận này của ông Đ và bà H;

- Đối với số tiền vay 630.000.000 đồng chị D đồng ý điều chỉnh thời gian tính lãi từ ngày 24/11/2017 theo đơn khởi kiện của chị D đến ngày xét xử sơ

thẩm là ngày 15/10/2020, số tiền là 362.692.000 đồng. Bị đơn yêu cầu điều chỉnh lãi suất và thời gian tính lãi là không phù hợp.

- Đối với số tiền 69.000.000 đồng trong đó có 14.000.000 đồng tiền chi phí làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất nên bị đơn phải trả cho nguyên đơn, việc bị đơn không đồng ý trả là không có căn cứ.

- Đối với số tiền 280.000.000 đồng ông Đ và bà H đều thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 09/9/2020 là vay của chị D để mua lúa nên bị đơn cho rằng không vay là không có căn cứ.

- Việc vay tiền của gia đình các bị đơn là sử dụng chung được ông Đ và bà H thừa nhận tại buổi hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị đơn liên đới trả các khoản tiền vay, lãi suất và tiền đòi lại tài sản cho chị D.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đ, bà H, chị H, anh H, anh N, xét thấy:

- Đối với số tiền 280.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm chị D không xuất trình được chứng cứ, biên nhận chứng minh ông Đ, bà H vay của chị D. Tại biên bản hòa giải ngày 09/9/2020, mặc dù ông Đ, bà H có thừa nhận nợ 280.000.000 đồng, nhưng sau đó tại biên bản hòa giải ngày 15/9/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ đã không thừa nhận nợ của chị D, ông Đ, bà H xác định là trình bày nhầm lẫn. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét các chứng cứ là lời khai của ông Đ mà chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ.

- Đối với số tiền 500.000.000 đồng và 630.000.000 đồng, 69.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ, bà H phải liên đới trả cho chị D là đúng theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình. Nhưng buộc chị H, anh H, anh N liên đới với ông Đ, bà H trả cho chị D là không phù hợp vì chị H, anh H, anh N không trực tiếp vay và không sử dụng tiền vay. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đ, bà H; chấp nhận kháng cáo của chị H, anh H, anh N. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn Dương Văn Đ, Hồ Thị Kim H, Dương Thị Ngọc H, Dương Văn N và Dương Phước H. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Đối với số tiền vốn vay 500.000.000 đồng, 630.000.000 đồng và tiền nộp thuế chuyển mục đích sử dụng đất 55.000.000 đồng. Tổng cộng 1.185.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Đ và bà H thừa nhận có nợ của chị D số tiền này và hiện nay chưa trả cho chị D, cho nên yêu cầu của chị D đối với số tiền này là có căn cứ.

[1.2] Xét kháng cáo của ông Đ, bà H đối với số tiền vay 630.000.000 đồng yêu cầu điều chỉnh lại mức lãi suất là 0,83%/tháng và thời gian bắt đầu tính lãi từ ngày chị D khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy: Kháng cáo của ông Đ, bà H yêu cầu điều chỉnh mức lãi suất 0,83%/tháng là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, giữa nguyên đơn và bị đơn không tranh chấp về mức lãi suất cho vay và tại phiên hòa giải ngày 09/9/2020, ông Đ, bà H cũng thống nhất mức lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất này là có căn cứ. Về thời gian tính lãi, bị đơn cho rằng bị đơn vay vào ngày 24/3/2016 đã đóng lãi đến tháng 12/2017 nhưng không có chứng cứ chứng minh đã đóng lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đã thừa nhận trong đơn khởi kiện nguyên đơn cho bị đơn vay ngày 24/11/2017 và đồng ý tính lãi từ ngày cho vay là 24/11/2017 đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là ngày 15/10/2020 theo lãi suất 1,66%/tháng là 362.692.000 đồng là phù hợp, nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là không tính lãi từ ngày 24/3/2016 đến ngày 23/11/2017.

- Xét bản án sơ thẩm tính lãi suất từ ngày 24/3/2016 đến ngày 23/11/2017 là gây thiệt hại đến quyền lợi của bị đơn nên sửa một phần bản án sơ thẩm về thời gian tính lãi suất.

[1.3] Xét kháng cáo của ông Đ, bà H không đồng ý trả 280.000.000 đồng cho chị D là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, tại biên bản hòa giải ngày 09/9/2020, ông Đ, bà H trình bày có vay của chị D số tiền 280.000.000 đồng để



mua lúa nhưng bị thua lỗ (bút lục số 34), nay bị đơn lại cho rằng là trình bày nhầm lẫn. Điều này cho thấy rằng lời khai nại của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[1.4] Xét kháng cáo của ông Đ, bà H đối với số tiền 69.000.000 đồng, ông Đ, bà H chỉ đồng ý trả cho chị D 55.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền chi phí làm giấy tờ 14.000.000 đồng. Xét thấy, ông Đ, bà H thừa nhận khi làm giấy tờ đất thì phải có bỏ ra chi phí đi lại này nhưng không biết cụ thể là bao nhiêu. Do đó, việc chị D yêu cầu ông Đ, bà H có nghĩa vụ trả số tiền 14.000.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[1.5] Xét kháng cáo của ông Đ, bà H, chị H, anh H, anh N không đồng ý liên đới trả tiền vay và đòi lại tài sản cho chị D vì chị H, anh H, anh N không vay tiền của chị D và không sử dụng chung tiền vay này. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 15/9/2020, biên bản hòa giải ngày 21/9/2020 và tại biên bản phiên tòa ngày 15/10/2020, ông Đ, bà H đều thừa nhận số tiền nợ chị D là khoản nợ chung của gia đình ông bà, số tiền trên dùng vào việc sử dụng chung trong gia đình nên ông Đ và bà H đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng với các con là chị H, anh N và anh H trả số tiền còn nợ cho chị D, nay ông Đ, bà H lại cho rằng không sử dụng chung là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, việc chị D yêu cầu ông Đ, bà H, chị H, anh N và anh H có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho chị D là có căn cứ nên chấp nhận.

[1.6] Như vậy các bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn các khoản tiền sau: tiền vốn vay 500.000.000 đồng, 630.000.000 đồng, 280.000.000 đồng; tiền lãi của 630.000.000 đồng là 362.692.000 đồng, tiền lãi của 280.000.000 đồng là 1.239.000 đồng; tiền đòi lại tài sản là 69.000.000 đồng. Tổng cộng 1.842.931.000 đồng.

Do các bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho nguyên đơn nên không xem xét yêu cầu của bị đơn về việc hủy một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án cấp sơ thẩm.

[2] Xét lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Dương Thị Hồng D, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo sự thừa nhận của nguyên đơn về thời gian tính lãi của số tiền 630.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị đơn là có một phần căn cứ nên được chấp nhận một phần.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do chị D không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên chị D phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 5.403.000 đồng.

- Do nguyên đơn được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí đối với phần yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn là 67.287.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn Đ và bà Hồ Thị Kim H;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Dương Thị Ngọc H, anh Dương Văn N và anh Dương Văn H.

1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2020/DS-ST ngày 15/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao L, Đồng Tháp.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Hồng D.

3. Buộc ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị Kim H, chị Dương Thị Ngọc H, anh Dương Văn N và anh Dương Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Dương Thị Hồng D số tiền 1.842.931.000 đồng (một tỷ tám trăm bốn mươi hai triệu chín trăm ba mươi một ngàn đồng).

4. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Hồng D về việc yêu cầu ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị Kim H, chị Dương Thị

Ngọc H, anh Dương Văn N và anh Dương Văn H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 210.800.000 đồng (Hai trăm mười triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**5. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị Kim H, chị Dương Thị Ngọc H, anh Dương Văn N và anh Dương Văn H phải liên đới chịu 67.287.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Dương Thị Hồng D phải chịu 5.403.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 45.100.000 đồng theo biên lai số 0004045 ngày 31/8/2020 và biên lai số 0004116 ngày 17/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Chị D được nhận lại 39.697.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai trên.

**6. Về án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị Kim H chị Dương Thị Ngọc H, anh Dương Văn N và anh Dương Văn H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0004265 ngày 28/10/2020, số 0004317; số 0004315; số 0004316 cùng ngày 13/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- Tòa án nhân dân huyện Cao L;
- Chi Cục THA DS huyện Cao L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thanh**

